

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11.10.2019

*V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con và cấp dưỡng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình K

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu A và bà Nguyễn Thị T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị L – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện HT, tỉnh BT.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh Tr, sinh năm: 1979(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện HT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Vĩnh Tr tự nguyện tìm hiểu sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND xã TP ngày 26/3/2007. Sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông Tr đã nhiều lần đánh đập gây thương tích đối với bà L (có giấy chứng nhận thương tích ngày 23/5/2019 kèm

theo). Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình được. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh Tr.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Tr, bà L có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 và cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009. Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh Tr cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 là 1.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009 là 2.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Trần Thị L tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh Tr đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản nộp cho Tòa án, không trình bày ý kiến và cũng không tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện HT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Đối với đương sự thì nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Nguyễn Vĩnh Trung đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Vĩnh Tr tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã TP ngày 26/3/2007. Sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông Tr đã nhiều lần đánh đập gây thương tích đối với bà L (có giấy chứng nhận thương tích ngày 23/5/2019 kèm theo). Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình được. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh Tr. Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông Tr là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L. Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 và cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ông Nguyễn Vĩnh Tr cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn

Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 là 1.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009 là 2.000.000đồng/tháng.

Về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HT.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do; Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Nguyễn Vĩnh Tr không có văn bản nộp cho Tòa án, không trình bày ý kiến và cũng không tham gia phiên tòa nên xác định ông Tr đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xác định giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Vĩnh Tr tự nguyện tìm hiểu sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND xã TP ngày 26/3/2007 là đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông Tr đã nhiều lần đánh đập gây thương tích đối với bà L dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT là có căn cứ và yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[5]. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông Tr, bà L có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 và cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009. Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh Tr cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 là 1.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009 là

2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Xét yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Mai Tr xác định: Mẹ (bà L) là người trực tiếp lo cho cháu ăn học cháu có nguyện vọng muốn được với mẹ. Xét nguyện vọng của cháu Tr là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng này của cháu Tr.

Đối với cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009 là người bị động kinh và tự kỷ từ nhỏ, không tự chăm sóc được cho bản thân nên hiện đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước. Mặc khác, bà L là người trực tiếp chăm sóc cháu từ nhỏ cho đến nay nên cần tiếp tục giao cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Mai Tr cho đến khi cháu có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Việc cấp dưỡng nuôi các cháu là cần thiết và đây là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn với mức cấp dưỡng nêu trên là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Nguyễn Vĩnh Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Vĩnh Tr.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 và cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Vĩnh Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 27/9/2007 là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng

lao động; Cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Mai Tr, sinh ngày 13/4/2009 là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0024820 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT; Ông Nguyễn Vĩnh Tr phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện HT;
- THA dân sự huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình K

